

# TÀI LIỆU MÔ TẢ WEBSERVICE HĐĐT

## I. Phương thức tích hợp

- Giao thức trao đổi thông tin giữa phần mềm và hệ thống HĐĐT: Thông qua cuộc gọi hàm webservice.

## II. Mô tả đầu hàm

### 1. Cập nhật dữ liệu khách hàng

Int **UpdateCus** (string xmlCusData, string username, string pass, int convert)

Mô tả

- **xmlCusData:** String XML dữ liệu khách hàng
- **username/pass:** Tài khoản cung cấp cho nhân viên có quyền để gọi service
- **convert:** Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **Trả về:** giá trị Int thông báo kết quả/Lỗi gặp phải

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
-1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
-2	Không import được khách hàng vào db	Có rollback db
-3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chỉ cần 1 customer trong chuỗi xml không hợp lệ, không thực hiện update trên tất cả dữ liệu đưa vào
-5	Có khách hàng đã tồn tại	Có rollback db
N	Số lượng khách hàng đã import và update	N>0, N là kiểu integer

**Cấu trúc của xmlCusData (các trường \* là bắt buộc):**

<Customers>

<Customer>

<Name>**Tên khách hàng\***</Name>  
 <Code>**Mã khách hàng\***</Code>  
 <TaxCode>**Mã số thuế (bắt buộc với khách hàng là doanh nghiệp)**</TaxCode>  
 <Address>Địa chỉ thanh toán\*</Address>  
 <BankAccountName>**Tên tài khoản ngân hàng**</BankAccountName>  
 <BankName>**Tên ngân hàng**</BankName>  
 <BankNumber>**Số tài khoản**</BankNumber>  
 <Email>**Email\***</Email>  
 <Fax>**Số fax**</Fax>  
 <Phone>**Điện thoại**</Phone>  
 <ContactPerson>**Liên hệ**</ContactPerson>  
 <RepresentPerson>**Người đại diện**</RepresentPerson>  
 <CusType>**Loại khách hàng (1: Doanh nghiệp/0: Cá nhân)\***</CusType>  
 </Customer>  
 <Customer>...</Customer>  
 </Customers>

## 2. Phát hành hóa đơn

String **ImportAndPublishInv**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string pass, string pattern, string serial, int convert).

### Mô tả

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn
- **convert**: Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **pattern, serial**: mẫu số và ký hiệu hóa đơn.
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	Chỉ cần 1 invoice trong chuỗi xml không hợp lệ, không thực hiện phát hành trên tất cả dữ liệu đưa vào
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	DB roll back
ERR:6	Không đủ số hóa đơn cho lô phát hành	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:10	Lô có số hóa đơn vượt quá max cho phép	
ERR:20	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
OK:pattern;serial1-key1_num1,key2_num12,key3_num3...  (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E-key1_1,key2_2,key3_3,key4_4,key5_5)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- OK → đã phát hành hóa đơn thành công</li> <li>- Pattern → Mẫu số của các hóa đơn đã phát hành</li> <li>- Serial1 → serial của dãy các hóa đơn phát hành</li> <li>- num1, num2... là các số hóa đơn</li> <li>- key1,key2... là</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cách hóa đơn có serial khác nhau phân cách bởi dấu “;”</li> <li>- Các số hóa đơn phân cách bởi “,”</li> </ul>

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
	khóa để nhận biết hóa đơn phát hành cho khách hàng nào(lấy từ đầu vào)	

**Note:**

Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện phát hành hóa đơn thành công

Chỉ chấp nhận phát hành lô tối đa 5000 hóa đơn.

**Cấu trúc của xmlInvData (các trường \* là bắt buộc):**

<Invoices>

<Inv>

<key>Giá trị khóa để phân biệt hóa đơn xuất cho khách hàng nào</key>

<Invoice>

<CusCode>**Mã khách hàng\***</CusCode>

<CusName>**Tên khách hàng\***</CusName>

<CusAddress>**Địa chỉ số nhà khách hàng\***</CusAddress>

<CusPhone>**Điện thoại khách hàng\***</CusPhone>

<CusTaxCode>**Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)**</CusTaxCode>

<PaymentMethod>**Phương thức thanh toán**</PaymentMethod>

<KindOfService></KindOfService>

<Products>

<Product>

<ProdName> **Nội dung các khoản thu\***</ProdName>

<ProdUnit>**Tiểu Mục**</ProdUnit>

<Amount>**Tổng nộp\***</Amount>

<Remark>**Kỳ\***</Remark>

<Extra1>**Nợ Cũ\***</Extra1>

<Extra2>**Phát sinh\***</Extra2>

</Product>  
 </Products>  
 <Amount>**Tổng số tiền nộp\***</Amount>  
 <AmountInWords>**Tổng số tiền nộp ghi bằng chữ\***</AmountInWords>  
 <Extra> **Các nội dung mở rộng**</Extra>  
 <ArisingDate>**Ngày phát hành hóa đơn**</ArisingDate>  
 <PaymentStatus>**Trạng thái thanh toán hóa đơn ban đầu(0,1 – chưa thanh toán, đã thanh toán)**</PaymentStatus>  
 <ResourceCode>**Mã vùng dữ liệu**</ResourceCode>  
 </Invoice>  
 </Inv>  
 <Inv>...</Inv>  
 </Invoices>

### 3. Gạch nợ hóa đơn theo Fkey

String **confirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)

**Mô tả:**

- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy(các Fkey phân biệt nhau bằng “\_”)  
**VD:** 012013\_022013\_032013
- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không gạch nợ được	
ERR:13	Hóa đơn đã được gạch nợ	
“OK”	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được gạch nợ	

#### 4. Thanh toán, Gạch nợ hóa đơn

String **confirmPayment**(string lstInvToken, string userName, string userPass)

**Mô tả:**

- **lstInvToken:** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc pattern;serial;sốhóađơn)  
**VD:** 01GTKT2/001;AA/13E;10\_01GTKT2/001;AA/13E;11
- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	
ERR:7	Không gạch nợ được	
ERR:13	Hóa đơn đã được gạch nợ	
“OK”	Đánh dấu hóa đơn trong list đã được gạch nợ	

#### 5. Bỏ gạch nợ hóa đơn theo FKey

String **UnconfirmPaymentFkey**(string lstFkey, string userName, string userPass)

**Mô tả:**

- **lstFkey:** Chuỗi Fkey xác định hóa đơn cần lấy(các Fkey phân biệt nhau bằng “\_”)  
**VD:** 012013\_022013\_032013
- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn tương ứng chuỗi đưa vào	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:7	Không bỏ gạch nợ được	
ERR:13	Hóa đơn đã được bỏ gạch nợ	
“OK”	Đánh dấu hóa đơn trong list đã bỏ gạch nợ	

## 6. Điều chỉnh hóa đơn

String **AdjustInvoiceAction**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, string fkey, string Attachfile, int convert, string pattern, string serial).

### Mô tả

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn điều chỉnh
- **fkey**: Chuỗi key xác định hóa đơn cần điều chỉnh
- **Attachfile**: truyền vào null
- **Convert**: Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **pattern, serial**: mẫu số và ký hiệu hóa đơn.
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Hóa đơn cần điều chỉnh không tồn tại	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Không phát hành được hóa đơn	
ERR:6	Dài hóa đơn cũ đã hết	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn cần điều chỉnh đã bị thay thế. Không thể điều chỉnh được nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn không được điều chỉnh	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với pattern của hóa đơn cần điều chỉnh	
ERR:20	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
OK: pattern;serial;key_invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;key_0000002)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- OK → đã phát hành hóa đơn thành công</li> <li>- Patter→ Mẫu số của hóa đơn điều chỉnh</li> <li>- Serial → serial của hóa đơn điều chỉnh</li> <li>- invNumber: số hóa đơn điều chỉnh</li> <li>- key: khóa để xác định hóa đơn</li> </ul>	

**Note:**



Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện điều chỉnh hóa đơn thành công

**Cấu trúc của xmlInvData (các trường \* là bắt buộc):**

<AdjustInv>

<key>**Khóa cho hóa đơn mới**</key>

<CusCode>**Mã khách hàng\***</CusCode>

<CusName>**Tên khách hàng\***</CusName>

<CusAddress>**Địa chỉ số nhà khách hàng\***</CusAddress>

<CusPhone>**Điện thoại khách hàng**</CusPhone>

<CusTaxCode>**Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)**</CusTaxCode>

<PaymentMethod>**Phương thức thanh toán**</PaymentMethod>

<KindOfService></KindOfService>

<Type>**Loại hóa đơn chỉnh sửa(int-mặc định lấy là 2) 2-Điều chỉnh tăng, 3-Điều chỉnh giảm, 4- Hóa đơn điều chỉnh thông tin**</Type>

<Products>

<Product>

<ProdName> **Nội dung các khoản thu\***</ProdName>

<ProdUnit>**Tiểu Mục**</ProdUnit>

<Amount>**Tổng nộp\***</Amount>

<Remark>**Kỳ\***</Remark>

<Extra1>**Nợ Cũ\***</Extra1>

<Extra2>**Phát sinh\***</Extra2>

</Product>

</Products>

<Amount>**Tổng số tiền nộp\***</Amount>

<AmountInWords>**Tổng số tiền nộp ghi bằng chữ\***</AmountInWords>

<Extra> **Các nội dung mở rộng** </Extra>

<ArisingDate>**Ngày phát hành hóa đơn**</ArisingDate>

<PaymentStatus>**Trạng thái thanh toán hóa đơn ban đầu(0,1 – chưa thanh toán, đã thanh toán)**</PaymentStatus>

<ResourceCode>**Mã vùng dữ liệu**</ResourceCode>

</AdjustInv>

## 7. Thay thế hóa đơn

String **ReplaceInvoiceAction**(string Account, string ACPass, string xmlInvData, string username, string password, string fkey, string Attachfile, int convert, string pattern, string serial).

### Mô tả

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh phát hành hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **xmlInvData**: String XML dữ liệu hóa đơn cũ và hóa đơn thay thế
- **fkey**: Chuỗi key xác định hóa đơn cần thay thế
- **Attachfile**: truyền vào null
- **convert**: Mặc định là 0, 0 – Không cần convert từ TCVN3 sang Unicode. 1- Cần convert từ TCVN3 sang Unicode
- **pattern, serial**: mẫu số và ký hiệu hóa đơn.
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần thay thế	
ERR:3	Dữ liệu xml đầu vào không đúng quy định	
ERR:5	Có lỗi trong quá trình thay thế hóa đơn	DB roll back
ERR:6	Dải hóa đơn cũ đã hết	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
	cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi. Không thể thay thế nữa.	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn ko được thay thế	
ERR:19	Pattern truyền vào không giống với pattern của hóa đơn cần thay thế	
ERR:20	Pattern và serial không phù hợp, hoặc không tồn tại hóa đơn đã đăng kí có sử dụng Pattern và serial truyền vào	Chỉ chấp nhận đồng thời nhập cả Pattern và serial hoặc đồng thời để trống cả pattern và serial
OK: pattern;serial;key_invNumber (Ví dụ: OK:01GTKT3/001;AA/12E;key_0000001)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- OK → đã thay thế hóa đơn thành công</li> <li>- Pattern → Mẫu số của hóa đơn thay thế</li> <li>- Serial → serial của hóa đơn thay thế</li> <li>- invNumber:số hóa đơn thay thế cho hóa đơn cũ</li> <li>- key: khóa xác định hóa đơn mới</li> </ul>	

**Note:**

Tiền tố ERR → có lỗi khi thực hiện hàm

Tiền tố OK → thực hiện thay thế hóa đơn thành công

**Cấu trúc của xmlInvData (các trường \* là bắt buộc):**

```
<ReplaceInv>
<key>Khóa cho hóa đơn mới</key>
<CusCode>Mã khách hàng*</CusCode>
<CusName>Tên khách hàng*</CusName>
<CusAddress>Địa chỉ số nhà khách hàng*</CusAddress>
<CusPhone>Điện thoại khách hàng</CusPhone>
<CusTaxCode>Mã số thuế KH (Bắt buộc với KH là Doanh nghiệp)</CusTaxCode>
<PaymentMethod>Phương thức thanh toán</PaymentMethod>
<KindOfService></KindOfService>
<Products>
  <Product>
    <ProdName> Nội dung các khoản thu*</ProdName>
    <ProdUnit>Tiểu Mục</ProdUnit>
    <Amount>Tổng nộp*</Amount>
    <Remark>Kỳ*</Remark>
    <Extra1>Nợ Cũ*</Extra1>
    <Extra2>Phát sinh*</Extra2>
  </Product>
</Products>
<Amount>Tổng số tiền nộp*</Amount>
<AmountInWords>Tổng số tiền nộp ghi bằng chữ*</AmountInWords>
<Extra> Các nội dung mở rộng </Extra>
<ArisingDate>Ngày phát hành hóa đơn</ArisingDate>
<PaymentStatus>Trạng thái thanh toán hóa đơn ban đầu(0,1 – chưa thanh toán, đã thanh toán)</PaymentStatus>
<ResourceCode>Mã vùng dữ liệu</ResourceCode>
</ ReplaceInv>
```

## 8. Lấy hóa đơn theo khách hàng

String **listInvByCus**(string cusCode, string fromDate, string toDate, string userName, string userPass)

### **Mô tả:**

- **cusCode\***: Mã đơn vị cần lấy hóa đơn về
- **fromDate**: ngày bắt đầu tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy (20/05/2013). Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **toDate**: ngày kết thúc tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy. Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **userName/userPass\***: account/password để gọi web services. Do Hệ thống HĐĐT cung cấp.
- **Trả về:** string kết quả cụ thể được mô tả dưới đây

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:3	Không tồn tại khách hàng tương ứng với cusCode	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
OK: chuỗi_xml_trả_về	thông tin các hóa đơn đã phát hành, đã sửa đổi, đã thay thế, đã sử dụng của công ty, cấu trúc dưới dạng chuỗi xml. Mỗi thẻ <Inv> tương ứng với một hóa đơn  Thẻ <status> chứa trạng thái hóa đơn: 1- hóa đơn đã phát hành, 3- hóa đơn bị thay thế, 4- hóa đơn bị điều chỉnh	Trả về một string xml

### **Cấu trúc của chuỗi xml trả về**

```

<Data>
  <Item> //tương ứng với 1 hóa đơn
    <index>Tháng xuất hóa đơn </index>
    <fkey>Fkey để xác định hóa đơn </fkey>
    <name>Tên hóa đơn</name>
    <publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
    <signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
    <pattern>Mẫu hóa đơn</pattern>
    <serial>Serial hóa đơn</serial>
    <invNum>Số hóa đơn</invNum>
    <payment>Trạng thái thanh toán (0/1)</payment>
    <Amount>Tổng tiền của hóa đơn </Amount>
    <status>Trạng thái hóa đơn(1,3,4)</status>

  </Item>

  <Item></Item>....Hóa đơn khác
</Data>

```

## 9. Hàm tìm hóa đơn theo Fkey

String **listInvByCusFkey**(string fkey, string fromDate, string toDate, string userName, string userPass)

### Mô tả:

- **fkey\***: Mã xác định hóa đơn
- **fromDate**: ngày bắt đầu tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy (20/05/2013). Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **toDate**: ngày kết thúc tìm kiếm. String theo định dạng dd/MM/yyyy. Nếu truyền vào null tìm kiếm theo tất cả các ngày
- **userName/userPass\***: account/password để gọi web services. Do Hệ thống HĐĐT cung cấp.
- **Trả về**: string kết quả cụ thể được mô tả dưới đây

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:4	Công ty chưa được đăng kí mẫu hóa đơn nào	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
OK: chuỗi_xml_trả_về	<p>thông tin các hóa đơn đã phát hành, đã sửa đổi, đã thay thế, đã sử dụng của công ty, cấu trúc dưới dạng chuỗi xml. Mỗi thẻ <b>&lt;Inv&gt;</b> tương ứng với một hóa đơn</p> <p>Thẻ <b>&lt;status&gt;</b> chứa trạng thái hóa đơn: 1- hóa đơn đã phát hành, 3- hóa đơn bị thay thế, 4- hóa đơn bị điều chỉnh</p>	Trả về một string xml

### Cấu trúc của chuỗi xml trả về

```

<Data>
  <Item> //tương ứng với 1 hóa đơn
    <index>Tháng xuất hóa đơn </index>
    <cusCode>Tên hóa đơn</cusCode>
    <name>Tên hóa đơn</name>
    <publishDate>Ngày phát hành hóa đơn</publishDate>
    <signStatus>Trạng thái kí khách hàng</signStatus>
    <pattern>Mẫu hóa đơn</pattern>
    <serial>Serial hóa đơn</serial>
    <invNum>Số hóa đơn</invNum>
    <payment>trạng thái thanh toán hóa đơn (0/1)</payment>
    <amount>Tổng tiền của hóa đơn </amount>
    <status>Trạng thái hóa đơn(1,3,4)</status>

  </Item>

  <Item></Item>....Hóa đơn khác
</Data>

```

## 10. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn

String **getInvView**(string invToken, string userName, string userPass)

### Mô tả:

- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **invToken**: Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy(theo cấu trúc pattern;serial;sốhóađơn)  
VD: 01GTKT2/001;AA/13E;10\_01GTKT2/001;AA/13E;11

- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

## 11. Lấy thông tin chi tiết hóa đơn theo Fkey

String **getInvViewFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

### Mô tả:

- **fkey :** Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	



Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

## 12. Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ

String **convertForVerify**(string invToken, string userName, string userPass)

**Mô tả:** Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ cho hóa đơn. Mỗi hóa đơn chỉ được chuyển đổi 1 lần duy nhất

- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\***: user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được chuyển đổi	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

## 13. Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ theo Fkey

String **convertForVerifyFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

**Mô tả:** Chuyển đổi chứng minh nguồn gốc xuất xứ cho hóa đơn. Mỗi hóa đơn chỉ được chuyển đổi 1 lần duy nhất

- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy

- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservice (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:8	Hóa đơn đã được chuyển đổi	
chuỗi_hml_trả_về	Trả về chuỗi hml tương ứng với hóa đơn đã chuyển đổi	Trả về một hóa đơn dưới dạng html

#### 14. Download hóa đơn

String **downloadInv**(string invToken, string userName, string userPass)

##### Mô tả:

- **invToken :** Chuỗi token xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\*:** user name/password để gọi webservice (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:4	Không tìm thấy Pattern	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú

## 15. Download hóa đơn theo Fkey

String **downloadInvFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

### Mô tả:

- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\***: user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

## 16. Download hóa đơn theo Fkey (Hóa đơn không cần thanh toán)

String **downloadInvFkeyNoPay**(string fkey, string userName, string userPass)

### Mô tả:

- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\***: user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Xml_trả_về	Trả về chuỗi Xml tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Xml

### 17. Download hóa đơn định dạng PDF theo Fkey

String **downloadInvPDFFkey**(string fkey, string userName, string userPass)

**Mô tả:**

- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\***: user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:11	Hóa đơn chưa thanh toán nên không xem được	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Pdf_trả_về	Trả về chuỗi Pdf tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Pdf

### 18. Download hóa đơn định dạng PDF theo Fkey (Hóa đơn không cần thanh toán)

String **downloadInvPDFFkeyNoPay**(string fkey, string userName, string userPass)

**Mô tả:**

- **fkey** : Chuỗi key xác định hóa đơn cần lấy
- **userName/userPass\***: user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
ERR:	Lỗi khác	
chuỗi_Pdf_trả_về	Trả về chuỗi Pdf tương ứng với hóa đơn	Trả về một hóa đơn dưới dạng string Pdf

## 19. Cập nhật trạng thái kí hóa đơn

String **ConfirmSiganture** (string signValue, string invToken, string userName, string userPass)

### Mô tả:

- **signValue**: giá trị chữ kí
- **invToken** : Chuỗi token xác định hóa đơn
- **userName/userPass\***: user name/password để gọi webservises (Do hệ thống HĐĐT cung cấp)
- **String trả về:**

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai	
ERR:6	Không tìm thấy hóa đơn	
ERR:7	User name không phù hợp, không tìm thấy company tương ứng cho user.	
chuỗi hml_trả_về	Trả về chuỗi hml của hóa đơn đã kí	

## 20. Hủy hóa đơn (không thay thế, điều chỉnh)

String **cancellInv** (string Account, string ACpass, string fkey, string username, string password).

### Mô tả

- **Account/ACPass** : Tài khoản được cấp phát cho nhân viên gọi lệnh hủy hóa đơn
- **Username/pass**: Tài khoản được cấp phát cho khách hàng để gọi service.
- **fkey**: Chuỗi xác định hóa đơn cần hủy
- **Trả về**: String kết quả

Kết quả trả về	Mô tả	Ghi chú
ERR:1	Tài khoản đăng nhập sai hoặc không có quyền	
ERR:2	Không tồn tại hóa đơn cần hủy	
ERR:8	Hóa đơn đã được thay thế rồi, hủy rồi	
ERR:9	Trạng thái hóa đơn ko được hủy	Tùy thuộc vào yêu cầu nghiệp vụ
OK:	Hủy thành công	